

Bản án số: 44/2020/HSST
Ngày: 28/02/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyên Nguyên.

Thẩm phán: Ông Vũ Tất Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo
2. Ông Trần Văn Cảnh
3. Ông Nguyễn Thành Châu

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 715/2019/HSST ngày 12/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2020/QĐST-HS ngày 05 tháng 2 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, Giới tính: Nam, Sinh năm: 1994 tại tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không, Trình độ học vấn: 12/12, Nghề nghiệp: không, HKTT: Ấp 1, tổ 1, xã TS, huyện ĐQ, tỉnh ĐN, Nơi cư trú: phòng trọ 2.1 số 213/8 NGT, Phường 25, quận BT, TP. M. Cha: Nguyễn Hữu S sinh năm: 1964, Mẹ: Phan Thị Minh H sinh năm: 1967, Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là út, Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2019.

Những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại:

1/ Công ty TNHH thương mại dịch vụ TLT có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị V; Địa chỉ: 140C NKKN, phường BN, Quận 1, Thành phố M. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông LTA, sinh năm 1968; Địa chỉ: 287/13 CVA, Phường 12, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà NTNN, sinh năm 1978; Địa chỉ: 2B Đường HT 17, phường HT, Quận 12, Thành phố M. (Vắng mặt)

3. Ông PCT, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 2, xã LĐ, huyện LN, tỉnh BP (Vắng mặt).

4. Ông NLTH, sinh năm 1993; Địa chỉ: 13/3A khu phố 2, phường TTN, Quận 12, Thành phố M (Vắng mặt)

5. Ông PTH, sinh năm 1985; Địa chỉ: 336/28/47 NVL, Phường 12, Quận S, Thành phố M (Vắng mặt)

6. Ông HKD, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp 1, xã GC, huyện ĐQ, tỉnh ĐN (Vắng mặt)

7. Ông HCK, sinh năm 1986; Địa chỉ: 50/40/3 đường số 9, Phường 16, quận GV, Thành phố M; Chỗ ở: 952/20/9 QT, Phường 8, quận GV, Thành phố M (Vắng mặt)

8. Ông NTTĐ, sinh năm 1988; Địa chỉ: 211/21 VV, Phường 4, Quận M, Thành phố M (Vắng mặt)

9. Bà LTTH, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp 7, xã TS, huyện ĐQ, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

10. Bà NTDH, sinh năm 1982; Địa chỉ: 649/19 ĐBP, Phường 25, quận BT, Thành phố M (Vắng mặt).

11. Bà ĐTQN, sinh năm 1994; Địa chỉ: 207/6 KVC, phường HBC, quận TĐ, Thành phố M (Vắng mặt).

Người chứng kiến:

1. Ông NND, sinh năm 1976; Địa chỉ: 38/21 TKC, phường TĐ, Quận 1, Thành phố M (Vắng mặt).

2. Bà NMT, sinh năm 1985; Địa chỉ: P6-B1201 Vinhomes Central Park số 208 NHC, Phường 22, quận BT, Thành phố M (Vắng mặt).

Người bào chữa :

Ông NĐT - Luật sư Công ty Luật TNHH ATP - Đoàn Luật sư Thành phố M bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ và để có tiền tiêu xài, Nguyễn Hữu T đã nảy sinh ý định cướp tài sản của người thu đổi ngoại tệ. Để thực hiện được ý định trên, T đã thuê căn hộ số 49.12A Tòa nhà L4, số 720A ĐBP, Phường 22, quận BT, với

giá 1.150.000 đồng trong thời gian 10 giờ. Sau đó T sử dụng điện thoại của anh PCT (là bạn ở chung phòng trọ) có sim số 0983943xxx, rồi nhắn tin đến số điện thoại 0914513xxx của anh Mai Ngọc A hẹn đến xem căn hộ vào lúc 08 giờ ngày 28/3/2019.

Khoảng 07 giờ 30 ngày 28/3/2019, T mang theo hai sợi dây dù (mỗi sợi dài khoảng 4m) giấu trong người và đến sảnh Tòa nhà L4 gọi điện thoại gặp anh A, anh A đưa T lên xem căn hộ L4.49.12A thì T đồng ý thuê từ 08 giờ đến 18 giờ và thanh toán tiền thuê 1.150.000 đồng cho anh A. Sau đó, T vào mạng internet tìm người đổi ngoại tệ và liên lạc được với một người đàn ông (không rõ lai lịch) hẹn đến căn hộ T thuê để đổi số tiền là 45.000 USD. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, có người đàn ông không rõ lai lịch đến căn hộ L4.49.12A gặp T để đổi ngoại tệ, nhưng do không dám hành động nên T giả vờ nói với người đàn ông này là người nhà chưa mang ngoại tệ đến và sẽ trực tiếp đến quầy thu đổi ngoại tệ để đổi sau nên người đàn ông này ra về.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, do sắp hết thời gian thuê căn hộ nên anh Đỗ Đạt Chương cùng vợ là chị Trần Việt Thụy H (chủ căn hộ số L4.49.12A) đến gặp T để lấy lại căn hộ. T nói đã thỏa thuận thuê với anh A đến 18 giờ nên chưa đến giờ, chị H gọi điện thoại cho anh A nói lại sự việc thì anh A nhờ chị H tìm căn hộ khác cho T thuê trong thời gian từ 12 giờ đến 18 giờ. Chị H liên hệ và tìm được căn hộ số 41.06 L4 để T chuyển sang căn hộ này. Đến 13 giờ cùng ngày, T tiếp tục vào trang Google tìm kiếm quầy thu đổi ngoại tệ và đưa ra thông tin cần đổi 46.200 USD tại chỗ ở thì được chị Lê Thu I là nhân viên giao dịch Quầy thu đổi ngoại tệ số 59 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TLT, số 353B NTH, Phường 11, Quận M, Thành phố M (là đại lý thu đổi ngoại tệ của Ngân hàng Eximbank) đồng ý. Sau đó, chị Hiền xuất phiếu chi số tiền 1.069.068.000 đồng, được phân thành 02 cọc 500.000.000 đồng (tiền mệnh giá 500.000 đồng) và 01 cọc 69.068.000 đồng (tiền mệnh giá 200.000 đồng) rồi giao cho anh Lê Anh U và anh Nguyễn Khánh S (nhân viên quầy 59) đến căn hộ của T để trao đổi. Anh U để 01 cọc tiền 500.000.000 đồng vào túi áo trong bên phải, số còn lại để vào túi áo trong bên trái (áo khoác).

Khoảng 14 giờ ngày 28/3/2019, anh U điều khiển xe gắn máy hiệu Hayate biển số 54T5-1796 chở anh S ngồi sau đến Tòa nhà L4. Đến nơi anh S ở dưới trông xe, còn anh U đem tiền lên căn hộ 41.06 gặp T. T mở cửa và mời anh U vào căn hộ. Khi anh U vào, chưa kịp ngồi xuống ghế và quay lưng về phía cửa thì T đóng cửa lại, tay phải lấy một sợi dây dù trong túi quần Jean, cầm hai tay đi đến choàng qua cổ anh U và kéo mạnh về phía sau. Anh U đưa hai tay cầm sợi dây kéo ra phía trước để tránh ngạt thở và la lên “Cướp!” rồi giằng co với T. Trong lúc giằng co, anh U sợ T xâm hại đến tính mạng của mình nên đã lấy cọc tiền 69.068.000 đồng vứt ra nền nhà và nói “Tiền đây, lấy rồi đi đi”. Anh U tiếp tục dùng tay trái lấy cọc tiền 500.000.000 đồng ra để đưa cho T nhưng lấy ra không được. T từ phía sau, cúi khom người, tay trái giữ hai đầu dây, tay phải vòng ra trước mặt hướng về túi áo khoác bên trái của anh U lấy cọc tiền 500.000.000 đồng vứt ra nền nhà (cạnh cọc tiền 69.068.000 đồng). Sau đó, T nói “Đưa tay ra sau để trói” nhưng anh U không đồng ý và hai người tiếp tục giằng

co. T vật anh U nằm ngã ngửa trên nền nhà, T dùng đầu gối phải đè lên phần bụng của anh U. Lúc này, T nhìn thấy hộp đựng dao trong khu vực bếp của căn hộ (cách chỗ T đang đứng khoảng 3 mét) nên T buông sợi dây dù ra, chạy đến lấy một con dao (dao dài 25 cm, cán nhựa màu đen dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm, phần lưỡi rộng nhất khoảng 2,5 cm, mũi nhọn) cầm trên tay đi đến chỗ anh U nói “Nếu không muốn chết thì đưa tay ra để trói”. Bị uy hiếp và không còn sức chống trả nên anh U đưa hai tay ra sau lưng để T dùng dây dù trói. T chạy đến khu vực bếp lấy thêm 01 sợi dây dù (T giấu sợi dây này lúc vào phòng) trói hai chân anh U lại. Do sợi dây trói chân dài nên T đã dùng dao cắt làm hai, lúc này anh U nói “Đừng trói tôi, tôi chết trên này thì sao?” T trả lời “Lát nữa có người lên thả”. Sau đó, T lấy hai cọc tiền (tổng số tiền là 569.068.000 đồng) bỏ vào túi xách da màu đen rồi đeo trên người, cầm theo con dao đi đến cửa căn hộ tắt cầu dao điện, đóng cửa lại rồi rời khỏi căn hộ.

Sau khi T chiếm đoạt được tài sản rồi bỏ đi, anh U cố gắng dùng hai tay bị trói luồn vào túi quần bên trái lấy điện thoại ra gọi điện báo cho anh Nguyễn Khánh S (là người đi cùng anh T đang đứng chờ ở dưới) và nói "chạy vào báo bảo vệ, anh U bị cướp", anh S đã báo bảo vệ và cùng lên phòng rồi cởi trói cho anh U. Sau đó, anh U cùng anh S đã đến Công an phường 22, quận BT trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận BT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh, điều tra và thu giữ vật chứng.

Đến ngày 03/4/2019, Nguyễn Hữu T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận BT phát hiện và bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Số tiền 569.068.000 đồng chiếm đoạt được, Nguyễn Hữu T đã sử dụng như sau:

- Mua một điện thoại di động hiệu Iphone XS Max với giá 30.726.000 đồng tại cửa hàng Cell phone S, số 536 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận BT;

- Chuyển số tiền số tiền 182.500.000 đồng vào tài khoản số 0101942898 tại Ngân hàng Đông Á để trả cho chị NTNN (chưa thu hồi được).

- Chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 0811000023569 của Nguyễn Thị Kim M (sinh năm 1962; cư trú: khu phố 3, phường ĐS, TP.PR, tỉnh NT) để đặt cọc tiền mua xe (chưa thu hồi được);

- Chuyển cho anh PCT (sinh năm 1994; cư trú: 56/1 đường số 2, phường TT, quận TD) số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 163700352 tại Ngân hàng V, để trả nợ 10.000.000 đồng và cho anh Thành vay 30.000.000 đồng (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho chị NTDH (sinh năm 1982; cư trú: 649/19 ĐBP, Phường 25, quận BT) số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản số 0401000193278 tại Ngân hàng E để trả nợ (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho anh Hà Khánh D (sinh năm 1997; cư trú: 144, đường NH,

phường PLA, Quận C) số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 050094189931 tại Ngân hàng Sacombank, để trả nợ (chưa thu hồi được).

- Chuyển 500.000 đồng vào tài khoản số 0881000448454 tại Ngân hàng E của chị Trương Thị Ngọc H để trả nợ (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho anh PTH (sinh năm 1985; cư trú: 336/28/47 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6) số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản số 88008878 tại Ngân hàng X, để trả nợ (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho anh Nguyễn Vi Y (sinh năm 1977; cư trú 30A TS, Phường 17, quận BT) số tiền 2.530.000 đồng vào tài khoản số 66778888 (Ngân hàng X) để trả tiền sửa xe (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho anh HCK (sinh năm 1986; cư trú 952/20/9 Quang Trung, Phường 8, quận GV) số tiền 9.985.000 đồng vào tài khoản số 191906329 tại Ngân hàng X, để mua máy tính bàn (chưa thu hồi được).

- Chuyển cho anh Nguyễn Lê Tân Huy (sinh năm 1993; cư trú: 13/3A khu phố 2, phường Tân Thới Nhất, Quận 12) số tiền 13.200.000 đồng vào tài khoản số 19031193879016 tại Ngân hàng K để trả tiền phòng và đặt cọc 01 tháng (chưa thu hồi được).

- Chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 0071000645902 tại Ngân hàng E của anh NTTĐ (sinh năm 1988; cư trú: 211/21 Vĩnh Viễn, Phường 4, Quận 10) để thanh toán tiền mua xe mô tô gắn biển số 59A3-037.39 (đã thu hồi được 110.000.000 đồng).

- Chuyển cho chị Đặng Thị Quỳnh Q (sinh năm 1994; cư trú: 207/6 KVC, phường HBC, quận TĐ) số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 103006275798 tại Ngân hàng N để cho Q mượn và chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0441000727127 tại Ngân hàng E, để trả nợ cho Q (đã thu hồi được 20.000.000 đồng).

- Chuyển cho anh Vũ Hoàng Z (sinh năm 1989; cư trú 283/25/5 LĐT, Phường 17, quận GV) số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 19028651629023 tại Ngân hàng K, để trả nợ (đã thu hồi tiền).

- Chuyển cho chị LTTH (sinh năm 1994; cư trú 47/52/17 Bùi Đình Túy, phường 24, quận BT) số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản số 1030123987004 (Ngân hàng N) để trả nợ (đã thu hồi đủ tiền).

- Chuyển 26.000.000 đồng vào tài khoản số 00809943102 tại Ngân hàng TPBank) của Nguyễn Hữu T và T đã rút ra tiêu xài, hiện còn 94.927.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, các cá nhân liên quan đã đến Cơ quan điều tra giao nộp lại số tiền mà Nguyễn Hữu T chuyển vào tài khoản gồm:

- Anh NTTĐ đã giao nộp 110.000.000 đồng mà T đã mua xe.

- Chị Đặng Thị Quỳnh Q giao nộp 20.000.000 đồng T cho mượn.

- Anh Vũ Hoàng Z giao nộp 5.000.000 đồng T trả nợ.
- Chị LTTH giao nộp 2.000.000 đồng T trả nợ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố M đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả cho chị DTMH đại diện ủy quyền cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TLT, số tiền 137.000.000 đồng; Giao trả cho anh Nguyễn Khánh L (là bạn ở cùng phòng Nguyễn Hữu T) một máy tính xách tay hiệu Dell màu đen.

Trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thị Minh H (mẹ của bị can Nguyễn Hữu T) đã khắc phục số tiền 90.000.000 đồng cho chị DTMH đại diện ủy quyền cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TLT. Số tiền còn lại là 342.068.000 đồng, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TLT không yêu cầu Nguyễn Hữu T bồi thường và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Hữu T (bút lục số 279-285).

Tại bản cáo trạng số 518/CT-VKS-P2 ngày 27/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo:

- Nguyễn Hữu T về tội “Cướp tài sản “ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 168 và điểm b, s Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án từ 16 đến 18 năm tù. Về tội: Cướp tài sản

Luật sư: bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T trình bày:

Luật sư thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa. Trong vụ án này cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải. Tài sản phạm tội đã thu hồi được một phần. Người bị hại không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, gia đình có công với cách mạng, cụ thể ông ngoại được tặng Bằng khen và huân chương kháng chiến hạng nhất mẹ được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen ghi nhận công lao quá trình công tác trong sự nghiệp trồng người. Do vậy kính đề nghị hội đồng xét xử xem xét khoan H giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đã xem xét tất cả các tình tiết của vụ án nên đã đề nghị mức án khoản H cho bị cáo. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi lượng hình.

Bị cáo Nguyễn Hữu T không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án khoản H vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, nội dung phù hợp với bản cáo trạng truy tố, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hữu T thừa nhận khoảng 07 giờ 30 ngày 28/3/2019, T mang theo hai sợi dây dù (mỗi sợi dài khoảng 4m) giấu trong người và đến căn hộ số L4.49.12A được T thuê 1 ngày với mục đích gọi đến điểm thu đổi ngoại tệ mang tiền đến nhằm mục đích chiếm đoạt. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày thì chủ căn hộ lấy lại nhà và đòi cho T sang căn hộ khác tại địa chỉ căn hộ L4.41.06. Tại đây T đã gọi điện thoại đến Quầy thu đổi ngoại tệ số 59 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TLT, số 353B NTH, Phường 11, Quận M yêu cầu được đổi số tiền 46.200USD tại căn hộ. khoảng 14h anh Lê Anh U là nhân viên của Cty TLT đã mang số tiền 1.069.068.000 đồng, được phân thành 02 cọc 500.000.000 đồng (tiền mệnh giá 500.000 đồng) và 01 cọc 69.068.000 đồng (tiền mệnh giá 200.000 đồng) đến căn hộ L4-41-06 gặp T để đổi. Vừa vào bên trong thì T đã sử dụng dây dù đã chuẩn bị sẵn quàng từ phía sau vào cổ anh U siết chặt và quật ngã anh U nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. Trong quá trình giằng co bị cáo T còn chộp con dao trên bếp uy hiếp anh U, buộc Anh U đưa tay cho T trói lại.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hữu T, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm phạm tội, biên bản bắt người phạm tội, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản nhận dạng, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Xét, căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội “Cướp tài sản”. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật để cố ý phạm tội. Hành vi sử dụng dây dù siết cổ nạn nhân và dùng dao uy hiếp nạn nhân của bị cáo T nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là số tiền 569.068.000 đồng của bị hại đã cấu thành tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và rất nguy hiểm có thể gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng sức khỏe của nạn nhân. Nạn nhân may mắn không bị thương tích. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần phải có thời gian đủ dài để cách ly xã hội đối với bị cáo T mới có tác dụng đề răn đe phòng ngừa, giáo dục bị cáo nói riêng và cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi được một phần, hậu quả có hạn chế. Người bị hại cũng không yêu cầu bồi thường và xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên cũng xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo Nguyễn Hữu T chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, hậu quả có hạn chế, gia đình bị cáo đã khắc phục một phần là cơ sở để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị hại cũng không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư thực hiện các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng.

+Về xử lý vật chứng: Đối với những vật chứng không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy. Đối với các vật chứng, tài sản liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô do không xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cần thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn luật định, quá thời hạn không có ai đến nhận thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

+Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ TLT có đại diện theo ủy quyền là bà DTMH là bị hại trong vụ án này đã nhận được số tiền 90.000.000đồng do mẹ bị cáo T bồi thường thay cho bị cáo. Bà Huệ không yêu cầu bị cáo bồi thường phần tiền còn lại. Lẽ ra phải buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền do bị cáo T phạm tội mà có để chuyển khoản trả nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện bị hại bà Nguyễn Thị Viện xác định Công ty TNHH thương mại dịch vụ TLT không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại. Căn cứ Điều 194 Bộ luật dân sự quy định Quyền định đoạt của chủ sở hữu là Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản. Do vậy tòa không xem xét việc buộc bị cáo tiếp tục bồi thường và cũng không buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền trả nợ do bị cáo phạm tội mà có phải nộp lại.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 16 năm tù. Về tội: “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/04/2019.

Căn cứ Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước ;

- Một (01) điện thoại Iphone XS MAX, số Imei: 357279098398638.

- Một (01) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 013416003499459 và một (01) hộp giấy bên ngoài có chữ Iphone.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp giấy bên ngoài có chữ Iphone.

- Ba (03) sợi dây dù màu xanh.

- Một (01) khẩu trang màu xám

- Một (01) cái kéo.

- Một (01) hóa đơn mua bán điện thoại di động iphone XS MAX.

- Một (01) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59A3-037.39. Tại bản Kết luận giám định số 1298/KLGD-TT ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy trên là giả.

- Một (01) ghế khung kim loại màu đen.

- Một (01) bàn khung kim loại màu đen có lót kính.

- Một (01) mũ bảo hiểm có ghi chữ Roc.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hữu T:

- Một (01) màn hình máy tính hiệu LG, một (01) CPU máy tính hiệu Sama, một (01) bàn phím máy tính Fire dancing, một (01) tấm lót tay để chuột máy tính có chữ Steelseries, một (01) chuột máy tính màu đen, một (01) bộ loa có chữ Enkor, một (01) tai nghe có chữ ovann.

- Một (01) đồng hồ hiệu Casio có dây bằng kim loại màu trắng.

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng tìm kiếm chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu BMW biển số 59A3-037.39, số khung: WB1051702BZV41902, số máy: 104EA04138047. Quá thời hạn trên nếu không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Theo biên bản giao nhận tang vật số 126/20 ngày 06/01/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan (12)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nguyên Nguyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2020 tại Phòng nghị án
tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyên Nguyên

Thẩm phán:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông
2. Ông
3. Ông

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 715 /2019/HSST ngày 13/5/2019 đối với bị cáo: Nguyễn Hữu T

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Các vấn đề chung:

- Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung.
- Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do luật sư, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 5/5

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “ Cướp tài sản, ”.

Kết quả biểu quyết: 5/5

3. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 4 điều 168 và điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kết quả biểu quyết: 5/5

1. Về hình phạt, biện pháp tư pháp:

4.1. Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm a khoản 4 điều 168 và điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T năm tù. Về tội: Cướp tài sản.

4.2 Về hình phạt bổ sung: không

4.3 Biện pháp tư pháp: Không.

4 Trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Người bị hại không yêu cầu bồi thường.

Kết quả biểu quyết: 5/3

5. Về các vấn đề khác (án phí hình sự, án phí dân sự, xử lý vật chứng, tài sản bị kê biên, tài khoản bị phong tỏa):

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước ;

- Một (01) điện thoại Iphone XS MAX, số Imei: 357279098398638.

- Một (01) điện thoại di động hiệu iPhone, số Imei: 013416003499459 và một (01) hộp giấy bên ngoài có chữ Iphone.

Tịch thu tiêu hủy:

- Ba (03) sợi dây dù màu xanh (mỗi dây dài khoảng 3,5m).

- Một (01) khẩu trang màu xám

- Một (01) cái kéo (của căn hộ 41.06).

- Một (01) hóa đơn mua bán điện thoại di động iphone XS MAX.

- Một (01) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu BMW biển số 59A3-037.39. Tại bản Kết luận giám định số 1298/KLGD-TT ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy trên là giả.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hữu T:

- Một (01) màn hình máy tính hiệu LG, một (01) CPU máy tính hiệu Sama, một (01) bàn phím máy tính Fire dancing, một (01) tấm lót tay để chuột máy tính có chữ Steelseries, một (01) chuột máy tính màu đen, một (01) bộ loa có chữ Enkor, một (01) tai nghe có chữ ovann.

- Một (01) máy tính xách tay hiệu Dell màu đen,

- Một (01) ghế khung kim loại màu đen.

- Một (01) bàn khung kim loại màu đen có lót kính.

- Một (01) mũ bảo hiểm có ghi chữ Roc.

- Một (01) đồng hồ hiệu Casio có dây bằng kim loại màu trắng.

- Đối với chiếc xe xe mô tô hiệu BMW biển số 59A3-037.39, số khung: WB1051702BZ V41902, số máy: 104EA04138047. Cần thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng sau 06 tháng nếu không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kết quả biểu quyết: 5/3

6. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa:

Được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kết quả biểu quyết: 5/3

7. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm (nếu có):
Không có.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2020

Biên bản nghị án có 03 trang, đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nguyên Nguyên

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM(1)
- VKSND TP. HCM;(3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư (2)
- Người liên quan (2)
- THA HS; (3)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM;(2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (36) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nguyên nguyên

